

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27 - 02 - 2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quyên;
2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1972; có mặt.

Địa chỉ: T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L (tên gọi khác: Nguyễn Thị Hồng L), sinh năm 1974; có mặt.

Địa chỉ: T, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T kết hôn với chị Nguyễn Thị L tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam, hiện nay giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, nguyên nhân do chị L chơi bời, cờ bạc nợ nần nên nhiều đối tượng xấu đến nhà đe dọa,

chửi bới. Đến tháng 12/2015 vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, mâu thuẫn căng thẳng nên đã ly thân cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

Ý kiến của bị đơn chị Nguyễn Thị L trong quá trình giải quyết vụ án xác định: Chị và anh T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Giấy chứng nhận kết hôn do chị đang giữ nhưng chị chưa nộp cho Toà án.

Theo chị L: Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do anh T ghen tuông, nhiều lần đánh đập chị, đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã sống ly thân với anh T từ năm 2016 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Sau khi vợ chồng ly thân, anh T còn đi ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị L xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ được nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh T vì các con. Chị L chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh T phải thanh toán về tài sản cho chị số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

- *Về con chung:* Anh T, chị L đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc L, sinh ngày 14/8/1997, cháu Hoàng Thị Mai H, sinh ngày 03/10/2000 và cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 30/7/2014. Cháu L và cháu H đã có gia đình riêng, còn cháu H do anh T đang nuôi dưỡng.

Trường hợp vợ chồng ly hôn: Anh T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Chị L đề nghị được nuôi cháu H, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu L và cháu H đều đã trên 18 tuổi, tự lập nên anh T, chị L đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Anh T không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị L yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, công nợ nhưng chị không thực hiện nghĩa vụ cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh; không nộp nghĩa vụ về tài chính với Nhà nước và các chi phí tố tụng khác.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn, anh Hoàng Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn, chị Nguyễn Thị L cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T nhiều lần đánh, đuổi chị ra khỏi nhà. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được với nhau, chị chỉ đồng ý ly hôn nếu anh T trả chị 500.000.000 đồng. Nếu vợ chồng ly hôn chị đồng ý giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu L và H đều đã trên 18 tuổi, tự lập nên chị không yêu cầu Toà

án giải quyết. Về tài sản, công nợ chị sẽ đề nghị Toà án giải quyết bằng vụ án khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ, vắng mặt các buổi làm việc tại Toà án.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa anh T, chị L theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung: Đề nghị giao cháu Hoàng Minh H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, chị L cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 1.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh T không yêu cầu nên Toà án không phải giải quyết. Chị L có quyền yêu cầu Toà án giải quyết bằng vụ án khác về việc chia tài sản chung, công nợ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do anh Hoàng Văn T cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị L đều xác nhận anh chị lấy nhau tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam vào năm 1996 nhưng quá trình tố tụng anh T, chị L đều không cung cấp cho Toà án được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh chị đã được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Toà án đã tiến hành xác minh, đại diện Ủy ban nhân dân xã C cho biết hiện nay sổ đăng ký kết hôn xã quản lý từ năm 1998 trở về trước đã bị thất lạc nên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh T, chị L có được Ủy ban nhân dân xã C đăng ký kết hôn hay không. Anh T, chị L có chung sống với nhau và có con chung như anh chị trình bày là đúng.

Tại phiên toà, chị L xuất trình Chứng nhận kết hôn của vợ chồng do Ủy ban nhân dân xã C cấp ngày 13/12/1996, tuy nhiên trong giấy chứng nhận kết hôn ghi họ tên vợ là Nguyễn Thị Hồng L. Cả chị L và anh T đều xác định chị L có tên gọi khác như trên và Giấy chứng nhận kết hôn của vợ chồng là đúng.

Sau ngày cưới, anh T, chị L chung sống hoà thuận, hạnh phúc và đã có 03 con chung. Đến năm 2015, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau căng thẳng. Anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được với nhau. Anh T đề nghị được ly hôn với chị L, chị L chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh T phải trả chị số tiền 500.000.000 đồng là tiền tài chung của vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp với ý kiến của chị L, vì chị L thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn không thể đoàn tụ được. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xác định cuộc hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp; yêu cầu ly hôn của anh T là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T, chị L đều xác nhận có 03 con chung là cháu Hoàng Thị Ngọc L, sinh ngày 14/8/1997, cháu Hoàng Thị Mai H, sinh ngày 03/10/2000 và cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 30/7/2014. Cháu L và cháu H đã có gia đình riêng, còn cháu H do anh T đang nuôi dưỡng. Tại phiên toà, anh T - chị L thoả thuận giao cháu H cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

Xét thấy: Anh T là người trực tiếp nuôi cháu H từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Toà án đã xác minh tại địa phương nơi anh T sinh sống xác định anh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu được đảm bảo tốt. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu, Hội đồng xét xử giao cháu H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng; chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh T là 1.000.000 đồng/tháng như thoả thuận của anh chị tại phiên toà là phù hợp.

Đối với cháu L và cháu H đều đã trên 18 tuổi, anh T, chị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, chị L có quan điểm đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ nhưng chị L không làm đơn, không nộp tạm ứng án phí đối với yêu cầu này nên Toà án không xem xét giải quyết. Chị L có quyền làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, công nợ, các vấn đề khác bằng vụ án khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm; chị L phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5; khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Minh H, sinh ngày 30/7/2014 cho anh Hoàng Văn T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là 1.000.000 (*Một triệu*) đồng/tháng, kể từ tháng 3/2020 cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Hoàng Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số 0003584 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã C;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đỗ Quốc Huy